

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 720 /SGDĐT-GDTrH
V/v hướng dẫn cấu trúc đề thi tuyển sinh
vào lớp 10 chuyên từ năm học 2026 - 2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Kính gửi:

- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị trực thuộc Sở có cấp THCS.

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Để chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên từ năm học 2026 - 2027 đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên áp dụng từ năm học 2026 - 2027 (Phụ lục gửi kèm).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo các cơ sở giáo dục có cấp THCS triển khai thực hiện; Hiệu trưởng các đơn vị trường học chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên hướng dẫn, định hướng học sinh trong quá trình giảng dạy và thông tin đến cha, mẹ học sinh cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên tại văn bản này.

Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, liên hệ Phòng Giáo dục Trung học để được hướng dẫn./. *malms*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó GD;
- Phòng QLCL;
- Lưu: VT, GDTrH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Đức Minh

PHỤ LỤC
Hướng dẫn cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên
từ năm học 2026 - 2027

(Kèm theo Công văn số 720/SGDĐT-GDTrH ngày 11/02/2026 của Sở GDĐT)

A. MÔN TOÁN

I. MÔN TOÁN CHUYÊN

1. Cấu trúc, nội dung đề thi

1.1. Cấu trúc: Đề thi gồm ba phần với tổng 20 điểm

a) Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 16 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm).

b) Phần trắc nghiệm đúng sai: 4 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm).

c) Phần tự luận: Từ 4 - 6 câu, chiếm 60% tổng điểm (12/20 điểm).

1.2. Nội dung:

Nội dung chủ yếu thuộc Chương trình lớp 8 và lớp 9 (Chương trình GDPT môn Toán ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT). Riêng Chương trình lớp 8 gồm các chủ đề sau:

- Chủ đề Đa thức và phân thức đại số.
- Chủ đề Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất.
- Chủ đề Định lý Thalès và ứng dụng.
- Chủ đề Định lý Pythagore và ứng dụng.
- Chủ đề Các hình khối trong thực tiễn.

2. Cấp độ tư duy: Biết 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

II. MÔN TOÁN KHÔNG CHUYÊN

1. Cấu trúc, nội dung

1.1. Cấu trúc: Đề thi gồm ba phần với tổng 10 điểm

a) Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 10 câu, chiếm 20% tổng điểm (2/10 điểm).

b) Phần trắc nghiệm đúng sai: 2 câu, chiếm 20% tổng điểm (2/10 điểm)

c) Phần tự luận: Từ 3 - 5 câu, chiếm 60% tổng điểm (6/10 điểm).

1.2. Nội dung:

Nội dung chủ yếu thuộc lớp 9 (Chương trình GDPT môn Toán ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

2. Cấp độ tư duy: Biết: 40%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 30%.

B. MÔN NGŨ VĂN

I. MÔN NGŨ VĂN CHUYÊN

1. Cấu trúc, nội dung đề thi

Phần 1. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Ngữ liệu đọc hiểu là 01 văn bản/đoạn văn bản thuộc thể loại thơ hoặc truyện. Ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn lớp 9.

- Trả lời 4 câu đọc hiểu gồm các mức độ: Biết, Hiểu, Vận dụng.

Phần 2. Viết (16,0 điểm)

* Nghị luận xã hội (4,0 điểm)

Yêu cầu viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ) về vấn đề có tính thời sự hoặc vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

* Nghị luận văn học (12,0 điểm)

Từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu, viết bài văn nghị luận văn học.

2. Hình thức, cấp độ tư duy

- Hình thức: Tự luận.

- Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

II. MÔN NGŨ VĂN KHÔNG CHUYÊN

1. Cấu trúc, nội dung đề thi

Phần 1. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Ngữ liệu đọc hiểu là 01 văn bản/đoạn trích văn bản thuộc kiểu văn bản văn học/văn bản nghị luận/văn bản thông tin. Ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn lớp 9.

- Trả lời 4 câu đọc hiểu gồm các mức độ: Biết, Hiểu, Vận dụng.

Phần 2. Viết (6,0 điểm)

* Nghị luận văn học (2,0 điểm):

Yêu cầu viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ), một trong hai yêu cầu sau:

- Phân tích một khía cạnh nội dung chủ đề hoặc một nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích/văn bản truyện ngắn.

- Ghi lại cảm nghĩ về một đoạn thơ hoặc một bài thơ.

* Nghị luận xã hội (4,0 điểm):

Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.

2. Hình thức, cấp độ tư duy

- Hình thức: Tự luận.

- Cấp độ tư duy: Biết: 30%, Hiểu: 40%, Vận dụng: 30%

C. MÔN TIẾNG ANH

I. MÔN TIẾNG ANH CHUYÊN

1. Cấu trúc

	Task types	CEFR
SECTION I: LISTENING (5.0 points)		
Part 1	Listen to a text. For each question, write the correct answer in the gap. Write one or two words or a number or a date or a time.	B1/B1+
Part 2	Listen to a text. For each question, choose the correct answer A, B or C.	B1/B1+
Part 3	Listen to five short texts, each with a different speaker, choose the option that matches what each speaker says	B2
SECTION II: USE OF ENGLISH (4.0 points)		
Part 1	Choose the best answer A, B, C or D that best fits the sentence. (Word choice/ Collocation/ Idiom/ Phrasal verbs/...)	B1
Part 2	Write the correct FORM of each bracketed word in the numbered boxes	B1/B2
Part 3	For each question, read the text below and look carefully at each line. Some of the lines are correct, and some have a word which should not be there. If a line is correct, put a tick (✓) by the number on the separate answer box. If a line has a word which should not be there, write the word on the separate answer box.	B2
SECTION III: READING (7.0 points)		
Part 1	Read the text and decide which answer A, B, C or D best fits each numbered gap.	B1/B2
Part 2	Read the text. For each question, choose the answer A, B, C or D which you think fits best according to the text.	B1/B2
Part 3	<i>One of these tasks</i> - Reading the passage. Choose the correct heading for each paragraph from the list of headings below. - Reading the passage. Are the following True, False or Not given	B2
Part 4	Read the article. Six sentences have been removed from the article. Choose from the sentences A-G the one which fits each gap.	B2

SECTION IV: WRITING (4.0 points)		
Part 1	Finish the second sentence in such a way that it means the exactly same as the first one.	B1/B2
Part 2	Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence, using the word given. Do not change the word given. You must use between two and five words, including the word given.	B1/B2
Part 3	Write a paragraph in about 120 -150 words about ...	B1

2. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

II. MÔN TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN

1. Nội dung:

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh cấp trung học cơ sở, trong đó trọng tâm là kiến thức và kỹ năng của lớp 9.

2. Cấu trúc: 50 câu trắc nghiệm

	items
USE OF ENGLISH	25
Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word/phrase that best fits the blank in each sentence.	13
Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that best completes each of the following exchanges.	2
Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct word that best fits each blank in the following text. (advertisement, notice, leaflet, announcement ...)	5
Read the sign, notice or message. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer.	5
READING COMPREHENSION (2 passages)	
Read the passage. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.	10
WRITING	15
Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correcting.	5
Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful email, letter or passage.	5
Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence.	5

3. Cấp độ tư duy: Nhận biết: 40%, hiểu: 30%, Vận dụng: 30%

D. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
(Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Vật lí)

I. Cấu trúc, nội dung đề thi:

1. Cấu trúc: Đề thi gồm ba phần với tổng 20 điểm

a) Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 16 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm)

b) Phần trắc nghiệm đúng sai: 4 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm)

c) Phần tự luận: Từ 4 - 6 câu, chiếm 60% tổng điểm (12/20 điểm).

2. Nội dung

Nội dung thuộc các chủ đề Vật lí Chương trình lớp 8 và lớp 9 (*Chương trình GDPT môn Khoa học tự nhiên ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*). Cụ thể:

- Lớp 8: 02 chủ đề, chiếm 40% số điểm toàn bài (8/20 điểm).
 - + Chủ đề Khối lượng riêng và áp suất
 - + Chủ đề Nhiệt
- Lớp 9: 03 chủ đề, chiếm 60% số điểm toàn bài (12/20 điểm).
 - + Chủ đề Năng lượng cơ học
 - + Chủ đề Ánh sáng
 - + Chủ đề Điện

II. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%

E. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
(Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Hóa học)

I. Cấu trúc, nội dung đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi gồm ba phần với tổng 20 điểm

a) Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 16 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm);

b) Phần trắc nghiệm đúng sai: 04 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm).

c) Phần tự luận: Từ 4 - 6 câu, chiếm 60% tổng điểm (12/20 điểm)

2. Nội dung

Gồm các chủ đề Hóa học thuộc Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 8 và lớp 9 cụ thể như sau:

- Lớp 8: chiếm 40% số điểm
- + Chủ đề Phản ứng hoá học.
- + Chủ đề Tốc độ phản ứng và chất xúc tác.
- + Chủ đề Acid-Base-pH-Oxide-Muối.
- + Chủ đề Phân bón hoá học.
- Lớp 9: chiếm 60% số điểm
- + Chủ đề Kim loại.
- + Chủ đề Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại.
- + Chủ đề Giới thiệu về chất hữu cơ Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu.
- + Chủ đề Ethylic alcohol, acetic acid; Lipid (lipit)-Carbohydrate (Cacbohidrat)-Protein Polymer (Polime).
- + Chủ đề Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái đất.

II. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30% và Vận dụng: 50%.

F. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Sinh học)

I. Cấu trúc, nội dung đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi gồm ba phần với tổng 20 điểm

a) Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: gồm 16 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm).

b) Phần trắc nghiệm đúng sai: gồm 4 câu, chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm).

c) Phần tự luận: Từ 4 - 6 câu, chiếm 60% tổng điểm (12/20 điểm).

2. Nội dung: gồm các chủ đề của Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 8 và lớp 9. Cụ thể:

* Lớp 8: chiếm 30% tổng số điểm toàn bài (6/20 điểm).

+ Chủ đề. Cơ thể người (gồm: Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người; Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người; Hệ hô hấp ở người; Hệ thần kinh và các giác quan ở người).

+ Chủ đề. Sinh thái (gồm: Môi trường và các nhân tố sinh thái, hệ sinh thái).

* Lớp 9: chiếm 70% tổng số điểm toàn bài (14/20 điểm).

- Chủ đề. Mendel và khái niệm nhân tố di truyền (gene).

- Chủ đề. Từ gene đến protein.

- Chủ đề. Nhiễm sắc thể.

- Chủ đề. Di truyền nhiễm sắc thể.

- Chủ đề. Di truyền học người.

- Chủ đề. Tiến hóa.

II. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

E. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

(Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Lịch sử)

I. Nội dung

Nội dung thi vào lớp 10 chuyên môn Lịch sử từ năm học 2026 - 2027 dựa trên Chương trình GDPT Môn Lịch sử và Địa lí – Phân môn Lịch sử ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các thông tư: Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phần 1. Lịch sử thế giới: 8/20 điểm

Câu 1. Tình hình thế giới từ năm 1918 đến năm 1945

Câu 2. Tình hình thế giới từ năm 1945 đến năm 1991

Phần 2. Lịch sử Việt Nam: 12/20 điểm

Câu 3. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945

Câu 4. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 5. Việt Nam từ 1991 đến nay.

II. Hình thức thi: Tự luận

III. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

*** Lưu ý:**

- Nội dung đề thi chuyển từ bài kiểm tra truyền thống thiên về kiến thức sang kiểm tra đánh giá năng lực, phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đề thi bám sát yêu cầu cần đạt, phù hợp với năng lực nhận thức và cấp độ tư duy của chương trình THCS với ba năng lực đặc thù phân môn Lịch sử:

+ *Năng lực tìm hiểu Lịch sử*

+ *Năng lực nhận thức và tư duy Lịch sử*

+ *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng lịch sử đã học*

F. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ **(Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Địa lí)**

I. Nội dung

Nội dung thi vào lớp 10 chuyên môn Địa lí từ năm học 2026 - 2027 dựa trên Chương trình GDPT Môn Lịch sử và Địa lí – Phân môn Địa lí ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các thông tư: Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Chương trình lớp 8: Địa lí tự nhiên Việt Nam: 8/20 điểm

- Câu 1: Vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ; đặc điểm chung tự nhiên và các thành phần tự nhiên Việt Nam.

- Câu 2: Sự phân hoá của thiên nhiên Việt Nam

2. Chương trình lớp 9: Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam: 12/20 điểm

- Câu 3: Địa lí dân cư.

- Câu 4: Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam.

- Câu 5: Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam.

** Lưu ý: phần kỹ năng, năng lực Địa lí được lồng ghép trong các nội dung trên tập trung vào các kỹ năng chủ yếu: số liệu thống kê, vẽ và nhận xét biểu đồ và một số kỹ năng tính toán khác. Phần này chiếm tỉ lệ điểm khoảng 40% tổng số điểm.*

II. Hình thức thi: Tự luận

III. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

*** Lưu ý:**

- Nội dung đề thi chuyển từ bài kiểm tra truyền thống thiên về kiến thức sang kiểm tra đánh giá năng lực, phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đề thi bám sát yêu cầu cần đạt, phù hợp với năng lực nhận thức và cấp độ tư duy của chương trình THCS với ba năng lực đặc thù phân môn Địa lí:

+ Nhận thức khoa học Địa lí.

+ Tìm hiểu Địa lí.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí đã học.

G. MÔN TIN HỌC

I. Cấu trúc, hình thức, nội dung đề thi

1. Cấu trúc

Câu	Chủ đề	Mức độ	Dạng bài tập	Điểm (tỉ lệ%)
1	Lý thuyết cơ bản	Biết	Bài toán lập trình trên máy tính	4 điểm (20%)
2	Lý thuyết cơ bản	Hiểu	Bài toán lập trình trên máy tính	6 điểm (30%)
3	Giải thuật và cấu trúc dữ liệu	Vận dụng	Bài toán lập trình trên máy tính	5 điểm (25%)
4	Giải thuật và cấu trúc dữ liệu	Vận dụng	Bài toán lập trình trên máy tính	5 điểm (25%)

2. Hình thức: Lập trình (viết code)

- Thực hành trên máy tính.
- Thí sinh thực hiện các bài tập lập trình hoặc giải quyết vấn đề trong môi trường lập trình Python hoặc C++.

3. Nội dung

a) *Lý thuyết cơ bản*: Kiểm tra kiến thức lý thuyết về các khái niệm cơ bản trong các Chuyên đề của Môn Tin học thuộc Chương trình cấp THCS, cụ thể:

- Các khái niệm cơ bản về lập trình (*biến, kiểu dữ liệu, cấu trúc điều khiển, hàm, lớp đối tượng, v.v...*).

- Các kỹ thuật lập trình (*Lính canh, Cờ hiệu, Ánh xạ gương, Lùa bò vô chuồng, Tổng tiền tố, Cấp số cộng, Cấp số nhân,...*)

- Cấu trúc dữ liệu (*danh sách, mảng, chuỗi ký tự, set, dict, v.v...*).

- Thuật toán (*quét cận, tìm kiếm, sắp xếp, v.v...*).

b) *Lập trình*: Kiểm tra khả năng lập trình của thí sinh, bao gồm:

- Viết mã nguồn giải quyết bài toán cụ thể.

- Sửa lỗi chương trình.

- Tinh chỉnh hoặc tối ưu hóa mã nguồn.

c) *Giải thuật và cấu trúc dữ liệu*: Phần này tập trung vào việc áp dụng giải thuật và cấu trúc dữ liệu vào các bài toán cụ thể:

- Thiết kế và phân tích giải thuật (*Hai con trỏ, tìm kiếm nhị phân, quay lui, quy hoạch động*).

- Thực hiện các bài toán liên quan đến cấu trúc dữ liệu có sẵn trong thư viện, v.v...

Lưu ý:

- Các câu bài tập ở mức độ Biết và Hiểu: bao gồm các đơn vị kiến thức của các chủ đề với các yêu cầu cần đạt ở mức cơ bản với các thuật toán ở phần Lý thuyết cơ

bản trong phần cấu trúc, kiến thức, nội dung đề thi ở trên.

- Các câu bài tập ở mức độ Vận dụng: bao gồm các đơn vị kiến thức của các chủ đề với các yêu cầu cần đạt ở mức chuyên sâu với các thuật toán ở phần giải thuật và cấu trúc dữ liệu trong phần cấu trúc, kiến thức, nội dung đề thi ở trên.

- Tư duy logic và toán học: Phần này kiểm tra khả năng tư duy logic và ứng dụng toán học trong Tin học. Các câu hỏi có thể yêu cầu:

- + Giải các bài toán logic hoặc toán học liên quan đến lập trình.

- + Phân tích và giải quyết các bài toán có tính chất tư duy cao.

II. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

H. MÔN TIẾNG PHÁP

I. Cấu trúc đề thi

1. Partie I: Compréhension orale (5.0 points) (Delf A2)

- Questions à choix multiples (QCMs)
- Associer des informations
- Texte à trous
- Vrai / Faux

2. Partie II: Connaissances De Langue (5.0 points)

- Questions à choix multiples (QCMs)
- Vocabulaire : Synonymes / Antonymes
- Grammaire: Modes et temps/ Voix passive / Discours indirect/ Famille de mots (préfixes, suffixes) / Connecteurs logiques

3. Partie III: Compréhension Ecrite (5.0 points) (Delf A1-A2)

- Questions-Réponses et QCMs
- Texte à trous
- Vrai / Faux/ Justifications
- Reformulation des informations

4. PARTIE IV: Expression écrite (5.0 points)

- Rédaction d'un texte narratif ou d'un texte descriptif, au moins 150 mots.
- *Répartition de niveau de cognition:*

II. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%
